



Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 9 tháng 1 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Lê

Chủ tịch

(từ ngày 25 tháng 12 năm 2017)

Phó Chủ tịch thứ nhất

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2017

đến ngày 24 tháng 12 năm 2017)

Thành viên

(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Ông Phạm Phú Ngọc Trai

Chủ tịch

(đến ngày 24 tháng 12 năm 2017)

Ông Yew Kean Lai

Phó Chủ tịch

Ông Phạm Trung Lâm

Thành viên

Ông David Tan Wei Ming

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 4 năm 2017)

Ông Danny Lê

Tổng Giám đốc

(đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-758(A)




Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 193.266.035.993 | 2.058.079.122.742 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 148.078.622.646 | 3.182.203.605 |
| Tiền | 111 | | 2.478.622.646 | 182.203.605 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 145.600.000.000 | 3.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 44.976.223.500 | 2.053.411.562.626 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 44.962.000.000 | 44.962.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6 | 14.223.500 | 2.008.449.562.626 |
| Hàng tồn kho | 140 | | 82.500.000 | - |
| Hàng tồn kho | 141 | | 82.500.000 | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 128.689.847 | 1.485.356.511 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 1.356.666.664 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 128.689.847 | 128.689.847 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260) | 200 | | 6.270.951.768.945 | 6.876.556.155.603 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.756.000 | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 2.756.000 | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 751.020.572 | - |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 106.644.440 | - |
| Nguyên giá | 222 | | 123.051.280 | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (16.406.840) | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | | 644.376.132 | - |
| Nguyên giá | 228 | | 690.403.000 | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (46.026.868) | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 7 | 6.270.003.622.729 | 6.876.556.155.603 |
| Đầu tư vào các công ty con | 251 | | 6.094.450.622.729 | 6.701.003.155.603 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 175.553.000.000 | 175.553.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 194.369.644 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 194.369.644 | - |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 6.464.217.804.938 | 8.934.635.278.345 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|-------------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 2.467.743.285.721 | 6.909.008.852.338 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.913.678.116 | 1.738.381.460.416 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | | 1.828.460.554 | - |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 8(a) | 6.026.437.920 | 80.773.245.845 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 9(a) | 58.779.642 | 1.370.608.214.571 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 10(a) | - | 287.000.000.000 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 2.459.829.607.605 | 5.170.627.391.922 |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 8(b) | - | 2.920.287.920 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 9(b) | 40.075.112.124 | 56.446.104.002 |
| Vay và trái phiếu dài hạn | 338 | 10(b) | 2.419.754.495.481 | 5.111.261.000.000 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 3.996.474.519.217 | 2.025.626.426.007 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 11 | 3.996.474.519.217 | 2.025.626.426.007 |
| Vốn cổ phần | 411 | 12 | 2.162.182.990.000 | 2.000.010.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>2.162.182.990.000</i> | <i>2.000.010.000.000</i> |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.200.196.495.149 | - |
| (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (1.365.904.965.932) | 25.616.426.007 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước</i> | <i>421a</i> | | <i>25.616.426.007</i> | <i>(110.985.276.665)</i> |
| <i>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế năm nay</i> | <i>421b</i> | | <i>(1.391.521.391.939)</i> | <i>136.601.702.672</i> |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 6.464.217.804.938 | 8.934.635.278.345 |

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2017 VND | 2016 VND |
|---|-----------|-------------|----------------------------|--------------------------|
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 13 | 16.505.629.140 | 1.939.367.465.859 |
| Chi phí tài chính | 22 | 14 | 1.403.641.740.107 | 448.403.632.379 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 311.968.365.587 | 444.344.752.594 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 4.385.135.772 | 4.355.380.808 |
| (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26) | 30 | | (1.391.521.246.739) | 1.486.608.452.672 |
| Chi phí khác | 32 | | 145.200 | - |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32) | 40 | | (145.200) | - |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | (1.391.521.391.939) | 1.486.608.452.672 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 15 | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 15 | - | - |
| (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | (1.391.521.391.939) | 1.486.608.452.672 |

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Quang Bê
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | 2017 VND | 2016 VND |
|---|--------------|----------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | (1.391.521.391.939) | 1.486.608.452.672 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao | 02 | 62.433.708 | - |
| Lỗi từ việc sáp nhập | 05 | 1.086.246.707.856 | - |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | (16.469.392.060) | (1.713.186.643.941) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 311.968.365.587 | 444.344.752.594 |
| Khoản vay dài hạn được xóa | 07 | - | (226.000.000.000) |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | (9.713.276.848) | (8.233.438.675) |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (12.128.000) | 500.000.000 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (82.500.000) | - |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 2.856.723.600 | 1.074.362.834 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 1.162.297.020 | (11.120.215) |
| | | (5.788.884.228) | (6.670.196.056) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (243.670.834.226) | (341.607.638.890) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (249.459.718.454) | (348.277.834.946) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | (813.454.280) | - |
| Tiền chi đầu tư vào các công ty con và đầu tư khác | 25 | (3.111.990.000.000) | (1.737.889.378.000) |
| Tiền thu từ việc thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con | 26 | 3.111.773.952.459 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | 2.073.189.079.560 | 193.083.132.545 |
| Tiền thuần thu được từ việc sáp nhập (Thuyết minh 4) | 28 | 8.015.384.053 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 2.080.174.961.792 | (1.544.806.245.455) |



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2017 VND | 2016 VND |
|---|-----------|----------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | 31 | 3.364.187.925.703 | - |
| Tiền thu từ các khoản vay và trái phiếu | 33 | - | 1.760.336.000.000 |
| Tiền chi trả nợ trái phiếu | 34 | (3.700.000.000.000) | - |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (1.350.006.750.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (1.685.818.824.297) | 1.760.336.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 144.896.419.041 | (132.748.080.401) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 3.182.203.605 | 135.930.284.006 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5) | 70 | 148.078.622.646 | 3.182.203.605 |


Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:  Người duyệt: 

Trần Quang Bế
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2017: 3 công ty con sở hữu trực tiếp) như được mô tả trong Thuyết minh 7. Vui lòng tham khảo Thuyết minh 2(c) cho việc sáp nhập của Công ty và các công ty con.

Trong năm, Công ty đã thành lập 11 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên và Chi nhánh Tiền Giang.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 9 nhân viên (1/1/2017: 3 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Cơ sở kế toán sáp nhập

Trong tháng 8 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty và ba công ty con của Công ty bao gồm Công ty TNHH Shika (“Shika”), Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) và Công ty Cổ phần Meiji (“Meiji”). Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận sáp nhập với Shika, Kenji và Meiji, trong đó Công ty sáp nhập toàn bộ tài sản và chấp nhận các khoản nợ phải trả, các quyền và nghĩa vụ, các hợp đồng lao động và các nghĩa vụ thuế của Shika, Kenji và Meiji tại ngày 31 tháng 8 năm 2017. Công ty còn tồn tại sau sáp nhập là Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science. Sau khi sáp nhập, Shika, Kenji và Meiji sẽ chấm dứt hoạt động. Công ty đã điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0311224517 ngày 27 tháng 9 năm 2017 để phản ánh sự thay đổi trên.

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Shika, Kenji và Meiji trước khi sáp nhập. Công ty đã hạch toán việc sáp nhập chịu sự kiểm soát chung này bằng cách áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Theo cơ sở kế toán sáp nhập, các tài sản và nợ phải trả của các công ty bị sáp nhập được mang sang theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Công ty. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty sau khi sáp nhập bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty bị sáp nhập như thể các công ty này đã tồn tại xuyên suốt trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dưới góc độ nhìn nhận của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn được loại trừ trong quá trình sáp nhập. Công ty không trình bày lại báo cáo tài chính năm trước.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(f) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 5 năm

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Trái phiếu đã phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, thu nhập cổ tức và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ ngân hàng và trái phiếu, và các chi phí phát hành liên quan.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Sáp nhập

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận sáp nhập với Shika, Kenji và Meiji. Theo thỏa thuận sáp nhập này, toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Shika, Kenji và Meiji được mang sang Công ty theo giá trị sổ sách. Việc sáp nhập này có hiệu lực từ ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Shika, Kenji và Meiji đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày đó.

Việc sáp nhập có những ảnh hưởng sau lên báo cáo tài chính riêng của Công ty vào ngày sáp nhập:

| | Giá trị tài sản thuần tại ngày sáp nhập | | Loại trừ số dư nội bộ VND | Giá trị được ghi nhận tại ngày sáp nhập VND |
|------------------------------------|---|---------------------|---------------------------|---|
| | Kenji VND | Shika VND | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.167.541.506 | 784.170.924 | - | 8.015.384.053 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 287.000.000.000 | 1.447.336.000.000 | (1.734.336.000.000) | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 1.116.224.565.272 | 139.527.677.875 | (193.977.789.173) | 3.160.046.172.833 |
| Phải thu dài hạn khác | 1.378.000 | 1.378.000 | - | 2.756.000 |
| Đầu tư vào các công ty con | - | 2.849.251.762.039 | (2.849.251.762.039) | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | (103.046.136.987) | (138.504.195.117) | 193.978.344.413 | (68.020.009.868) |
| Vay ngắn hạn | (754.900.000.000) | (1.447.174.458.000) | 1.734.336.000.000 | (467.738.458.000) |
| Tài sản thuần được sáp nhập | 552.447.347.791 | 2.851.222.335.721 | (2.849.251.206.799) | 2.632.305.845.018 |

Giá gốc khoản đầu tư của MNS trong Kenji và Shika (Thuyết minh 7(a))

Vốn góp của cổ đông không kiểm soát trong Shika và Meiji

Tài sản thuần được sáp nhập

Lỗ từ việc sáp nhập (Thuyết minh 14)

3.718.542.532.874
10.020.000
(2.632.305.845.018)

1.086.246.707.856

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 2.478.622.646 | 182.203.605 |
| Các khoản tương đương tiền | 145.600.000.000 | 3.000.000.000 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | <u>148.078.622.646</u> | <u>3.182.203.605</u> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Cổ tức phải thu | - | 2.008.447.467.126 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.095.500 | 2.095.500 |
| Phải thu khác | 12.128.000 | - |
| | <u>14.223.500</u> | <u>2.008.449.562.626</u> |

7. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư vào các công ty con (a) | 6.094.450.622.729 | 6.701.003.155.603 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b) | 175.553.000.000 | 175.553.000.000 |
| | <u>6.270.003.622.729</u> | <u>6.876.556.155.603</u> |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư vào các công ty con

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|---|------------|------------------|----------|--------------------------|
| | % sở hữu | quyền biểu quyết | % sở hữu | quyền biểu quyết |
| | | | | |
| | | | | Giá gốc VND |
| Công ty TNHH MNS Feed (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”) (“MNS Feed”) (i) | 99,9% | 99,9% | - | - |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“ANCO”) (ii) | 100,0% | 100,0% | 100,0% | 2.981.563.422.729 |
| Công ty TNHH Shika (“Shika”) (ii) | - | - | 99,9% | 2.878.542.532.874 |
| Công ty TNHH Kenji (“Kenji”) (ii) | - | - | 100,0% | 840.000.000.000 |
| Đầu tư khác | - | - | - | 897.200.000 |
| | | | | <u>6.094.450.622.729</u> |
| | | | | <u>6.701.003.155.603</u> |

(i) Trong tháng 3 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3603447499 phê duyệt việc thành lập MNS Feed. Công ty sở hữu 99,99% vốn chủ sở hữu trong MNS Feed. Theo đó, MNS Feed trở thành một công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(ii) Trong năm, Shika và Kenji được sáp nhập vào Công ty. Xem Thuyết minh 1 để biết thêm thông tin.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty không có khoản dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thông tin chi tiết của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được mô tả như sau:

| Tên | Trụ sở | Hoạt động chính | | | | |
|---|---|---|-------------------|---------------------|------------------------|---------------------|
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm | | | | |
| Công ty TNHH MNS Feed (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”) | Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mây, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm | | | | |
| Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau: | | | | | | |
| | ANCO VND | Shika VND | Kenji VND | MNS Feed VND | Đầu tư khác VND | Tổng VND |
| Số dư đầu năm | 2.981.563.422.729 | 2.878.542.532.874 | 840.000.000.000 | - | 897.200.000 | 6.701.003.155.603 |
| Tăng đầu tư trong năm | - | - | - | 3.111.990.000.000 | - | 3.111.990.000.000 |
| Giảm do sáp nhập | - | (2.878.542.532.874) | (840.000.000.000) | - | - | (3.718.542.532.874) |
| Số dư cuối năm | 2.981.563.422.729 | - | - | 3.111.990.000.000 | 897.200.000 | 6.094.450.622.729 |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn khác

| | 31/12/2017 và 1/1/2017 | | Giá gốc VND |
|--|------------------------|--------------------------|-----------------|
| | % sở hữu | % quyền biểu quyết | |
| Công ty TNHH MNS Meat (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Farm) | 0,01% | - | 10.000.000 |
| Đầu tư khác (*) | - | - | 175.543.000.000 |
| | | | 175.553.000.000 |

(*) Trong năm 2016, ANCO, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của ANCO theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là ANCO và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”). Công ty ghi nhận giao dịch này trong đầu tư góp vốn khác.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

8. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|-----------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí lãi vay | - | 80.523.819.445 |
| Chi phí khác | 6.026.437.920 | 249.426.400 |
| | 6.026.437.920 | 80.773.245.845 |

(b) Chi phí phải trả dài hạn

| | 31/12/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|------------------------|-------------------|-----------------|
| Phí dịch vụ chuyên môn | - | 2.920.287.920 |
| | | 2.920.287.920 |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | - | 1.350.006.750.000 |
| Chi phí lãi vay phải trả cho Kenji | - | 20.542.684.929 |
| Phải trả khác | 58.779.642 | 58.779.642 |
| | 58.779.642 | 1.370.608.214.571 |
| | 58.779.642 | 1.370.608.214.571 |

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay phải trả cho Shika | - | 56.446.104.002 |
| Chi phí lãi vay phải trả cho Proconco | 40.075.112.124 | - |
| | 40.075.112.124 | 56.446.104.002 |
| | 40.075.112.124 | 56.446.104.002 |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Vay và trái phiếu

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND | Biến động trong năm Tăng/(giảm) do sáp nhập VND | Cán trừ VND | 31/12/2017 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND |
|-------------------------|---|-------------------|--|---------------------|---|
| Vay ngắn hạn | - | - | 2.202.074.458.000 | (2.202.074.458.000) | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 287.000.000.000 | 1.447.336.000.000 | (1.734.336.000.000) | - | - |
| | 287.000.000.000 | 1.447.336.000.000 | 467.738.458.000 | (2.202.074.458.000) | - |

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận với ANCO and Proconco. Theo đó, ANCO chuyển các khoản vay cấp cho Công ty và chi phí lãi vay liên quan với số tiền lần lượt là 2.202.074 triệu VND và 217.680 triệu VND, cho Proconco để cán trừ với các khoản vay Proconco cấp cho ANCO. Kết quả của thỏa thuận này là Công ty có khoản vay dài hạn từ Proconco với số tiền là 2.419.754 triệu VND. Công ty cũng đã ký một hợp đồng cho vay với Proconco để phản ánh sự thay đổi này.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu dài hạn

| | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Vay dài hạn | 2.419.754.495.481 | 1.734.336.000.000 |
| Trái phiếu thường (*) | - | 3.663.925.000.000 |
| | 2.419.754.495.481 | 5.398.261.000.000 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | - | (287.000.000.000) |
| | 2.419.754.495.481 | 5.111.261.000.000 |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 2.419.754.495.481 | 5.111.261.000.000 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------------------|-----------|--------------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | | VND | VND |
| Khoản vay không đảm bảo 1 từ Kenji | VND | 8,0% | 2017 | - | 150.000.000.000 |
| Khoản vay không đảm bảo 2 từ Kenji | VND | 6,0% | 2017 | - | 137.000.000.000 |
| Khoản vay không đảm bảo 3 từ Shika | VND | 6,5% | 2018 | - | 1.447.336.000.000 |
| Khoản vay không đảm bảo 4 từ Proconco | VND | 6,5% | 2019 | 2.419.754.495.481 | - |
| | | | | 2.419.754.495.481 | 1.734.336.000.000 |

Các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan, không được đảm bảo và phải hoàn trả vào ngày đáo hạn.

(*) Công ty đã thanh toán đầy đủ nợ trái phiếu thường trước ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | (Lỗi lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|--|---------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 2.000.010.000.000 | - | (110.985.276.665) | 1.889.024.723.335 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 1.486.608.452.672 | 1.486.608.452.672 |
| Cổ tức | - | - | (1.350.006.750.000) | (1.350.006.750.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 2.000.010.000.000 | - | 25.616.426.007 | 2.025.626.426.007 |
| Phát hành cổ phiếu | 162.162.970.000 | 3.200.196.495.149 | - | 3.362.359.465.149 |
| Tăng do sáp nhập (Thuyết minh 4) | 10.020.000 | - | - | 10.020.000 |
| Lỗi thuần trong năm | - | - | (1.391.521.391.939) | (1.391.521.391.939) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 | 2.162.182.990.000 | 3.200.196.495.149 | (1.365.904.965.932) | 3.996.474.519.217 |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Vốn cổ phần

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là như sau:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|---------------------------------|-------------|-------------------|-------------|-------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 216.218.299 | 2.162.182.990.000 | 200.001.000 | 2.000.010.000.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 216.218.299 | 2.162.182.990.000 | 200.001.000 | 2.000.010.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Theo thoả thuận giữa Kohberg Kravis Roberts & Co. L.P. (“KKR”) thông qua một công ty của KKR có tên là VN Consumer Meat II Pte. Ltd và Công ty, KKR đã thanh toán một khoản tiền mua cổ phần của Công ty với số tiền là 3.405.000 triệu VND và Công ty đã phát hành 16.216.297 cổ phiếu phổ thông cho KKR, tương ứng với 7,5% vốn chủ sở hữu trong Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

| | 2017 | | 2016 | |
|--|--------------------|--------------------------|--------------------|--------------------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 200.001.000 | 2.000.010.000.000 | 200.001.000 | 2.000.010.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền | 16.216.297 | 162.162.970.000 | - | - |
| Tăng do sáp nhập (Thuyết minh 4) | 1.002 | 10.020.000 | - | - |
| Số dư cuối năm | 216.218.299 | 2.162.182.990.000 | 200.001.000 | 2.000.010.000.000 |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2017 | 2016 |
|--------------------------------|----------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 16.469.392.060 | 1.856.799.212 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 36.237.080 | - |
| Thu nhập cổ tức | - | 1.711.329.844.729 |
| Thu nhập khác | - | 226.180.821.918 |
| | 16.505.629.140 | 1.939.367.465.859 |

14. Chi phí tài chính

| | 2017 | 2016 |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lỗ từ việc sáp nhập (Thuyết minh 4) | 1.086.246.707.856 | - |
| Chi phí lãi vay từ: | | |
| • Trái chủ | 147.452.708.333 | 358.820.347.224 |
| • Chi phí phát hành trái phiếu | 36.075.000.000 | 11.100.000.000 |
| • Các công ty con | 128.440.657.254 | 74.424.405.370 |
| Chi phí khác | 5.426.666.664 | 4.058.879.785 |
| | 1.403.641.740.107 | 448.403.632.379 |

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2017 | 2016 |
|---|---------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế | (1.391.521.391.939) | 1.486.608.452.672 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | (278.304.278.388) | 297.321.690.534 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 51.627.855.521 | 2.332.000 |
| Thu nhập được miễn thuế | - | (342.265.968.946) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 226.676.422.867 | 44.941.946.412 |
| | - | - |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

| | 31/12/2017 | | 1/1/2017 | |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|
| | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND | Chênh lệch tạm thời VND | Giá trị tính thuế VND |
| Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 6.026.437.920 | 1.205.287.584 | 80.773.245.845 | 16.154.649.169 |
| Lỗi tính thuế | 1.624.088.618.885 | 324.817.723.777 | 415.959.696.623 | 83.191.939.325 |
| | <u>1.630.115.056.805</u> | <u>326.023.011.361</u> | <u>496.732.942.468</u> | <u>99.346.588.494</u> |

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

| Năm hết hiệu lực | Tình hình quyết toán | Số lỗi được khấu trừ VND |
|------------------|----------------------|--------------------------|
| 2020 | Chưa quyết toán | 260.212.583.297 |
| 2021 | Chưa quyết toán | 238.771.521.467 |
| 2022 | Chưa quyết toán | 1.125.104.514.121 |
| | | <u>1.624.088.618.885</u> |

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016 trở đi.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--------------------------|---------------------|
| | 2017 | 2016 |
| | VND | VND |
| Công ty mẹ | | |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan | | |
| Cổ tức | | - 1.350.006.750.000 |
| Các công ty con | | |
| Công ty TNHH Shika | | |
| Khoản vay đã nhận | | - 1.447.336.000.000 |
| Chi phí lãi vay | 62.631.978.412 | 56.446.104.002 |
| Công ty TNHH Kenji | | |
| Góp vốn | | - 115.000.000.000 |
| Khoản vay đã nhận | | - 313.000.000.000 |
| Khoản vay dài hạn và chi phí lãi vay được xóa | | - 226.180.821.918 |
| Chi phí lãi vay | 13.461.534.243 | 17.978.301.368 |
| Công ty TNHH MNS Feed (trước đây là “Công ty TNHH Masan Nutri-Feed”) | | |
| Góp vốn | 3.111.990.000.000 | - |
| Thanh lý khoản đầu tư | 3.111.773.952.459 | - |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | | |
| Thu nhập cổ tức | | - 2.178.000.000.000 |
| Khoản vay đã nhận do sáp nhập | 2.202.074.458.000 | - |
| Chi phí lãi vay | 12.272.032.475 | - |
| Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc | | |
| Chuyển khoản vay | 2.419.754.495.481 | - |
| Chi phí lãi vay | 40.075.112.124 | - |

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và tài chính

| | 2017 | 2016 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chuyển chi phí lãi vay phải trả thành nợ gốc vay | 217.680.037.481 | - |
| Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán | 1.828.460.554 | - |
| Vay dài hạn được xóa | - | 226.000.000.000 |
| Chi phí lãi vay phải trả được xóa | - | 180.821.918 |

18. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã công bố một khoản cổ tức là 2.271 tỷ VND.

Ngày 8 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



2

B

